

PVT - MUA

THÔNG TIN CỔ PHIẾU
(ngày 02/08/2018)

Sàn giao dịch	HSX
Thị giá (đồng)	16.800
KLGD TB 10 ngày	142.413
Vốn hoá (tỷ đồng)	4.756,34
Số lượng CPLH	281.440.144
% sở hữu nước ngoài	33,8%

CHUYÊN VIÊN PHÂN TÍCH

Nguyễn Huy Hoàng

nhhoang@vcbs.com.vn

+84-24 3936 6990 ext 7187

Hệ thống báo cáo phân tích của VCBS

www.vcbs.com.vn/vn/Services/AnalysisResearch

VCBS Bloomberg Page:

<VCBS><go>

PVT

KQKD: Trong Q2.2018, PVTrans ghi nhận KQKD tăng trưởng mạnh so với cùng kỳ. Cụ thể, DTT đạt 1.998,99 tỷ đồng (+45,9% yoy), LNTT đạt 270,32 tỷ đồng (+242,1% yoy), LNST thuộc về cổ đông công ty mẹ đạt 197,48 tỷ đồng (+283,1% yoy).

Lũy kế 6T.2018, DTT của Công ty đạt 3.781,24 tỷ đồng (+25,1% yoy, 72% KH), LNTT đạt 466,21 tỷ đồng (+92,7% yoy, 106% KH), LNST đạt 379,57 tỷ đồng (+95,4% yoy, 106,3% KH). PVTrans đã hoàn thành kế hoạch lợi nhuận 2018 chỉ trong nửa đầu năm.

Triển vọng: Nhu cầu năng lượng của Việt Nam về xăng dầu, điện tiếp tục ở mức cao trong những năm tới giúp triển vọng thị trường của PVTrans tương đối khả quan với vị thế hàng đầu về vận chuyển dầu thô (100% thị phần), dầu thành phẩm (30% thị phần), LPG (90% thị phần) và than (25-30% thị phần). Điểm nhấn trong giai đoạn 2018-2019 là việc NMLD Dung Quất phục hồi sản lượng sản xuất sau bảo dưỡng và đóng góp từ các hợp đồng mới cho NMLD Nghi Sơn.

Chúng tôi dự phóng DTT năm 2018 đạt 6.698,92 tỷ đồng (+8,97% yoy, 127,6% KH), LNTT đạt 799,5 tỷ đồng (+19,17% yoy, 152,5% KH), LNST thuộc về cổ đông công ty mẹ đạt 536,39 tỷ đồng, tương ứng EPS 1.906 đồng/cp.

Cho năm 2019, DTT dự kiến đạt 7.424,03 tỷ đồng (+10,8% yoy, LNTT đạt 819,43 tỷ đồng (+2,5% yoy), LNST thuộc về cổ đông công ty mẹ đạt 549,76 tỷ đồng, tương ứng EPS 1.953 đồng/cp.

Rủi ro: Rủi ro tỷ giá cần được lưu ý trong thời gian tới khi công ty đẩy mạnh nâng cấp đội tàu bằng vốn vay. Với lượng vốn vay USD hiện tại, giá USD tăng thêm 1% so với VND sẽ tạo ra khoản chi phí tài chính khoảng 15 tỷ đồng cho PVT. Ngoài ra, các dự án mà công ty thực hiện cũng phụ thuộc nhiều vào tiến độ từ phía đối tác và diễn biến của thị trường.

Đánh giá: Chúng tôi khuyến nghị **MUA** cổ phiếu PVT với giá mục tiêu 21.672 đồng/cổ phiếu.

Chỉ tiêu tài chính	2015	2016	2017	2018F	2019F
DTT (tỷ đồng)	5.761	6.734	6.148	6.699	7.424
+/- yoy (%)	9,4%	16,9%	-8,7%	9,0%	10,8%
LNST (tỷ đồng)	368	416	450	536	550
+/- yoy (%)	7,9%	12,9%	8,3%	19,2%	2,5%
TTS (tỷ đồng)	9.656	9.070	9.204	10.042	10.841
VCSH (tỷ đồng)	4.325	4.333	4.662	5.198	5.748
Nợ/TTS (%)	37,5%	32,7%	29,2%	28,3%	26,5%
TS LN gộp (%)	13,5%	11,3%	13,8%	14,1%	14,3%
ROA (%)	4,5%	5,3%	5,8%	6,3%	6,0%
ROE (%)	10,0%	11,2%	11,4%	12,2%	11,3%
EPS (đồng)	1.170	1.321	1.436	1.906	1.953

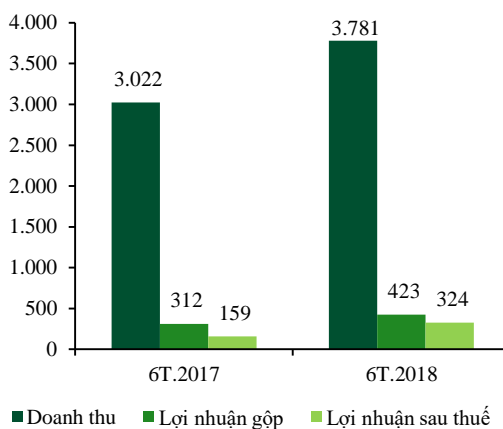
PHÂN TÍCH KẾT QUẢ KINH DOANH

KQKD Q2.2018

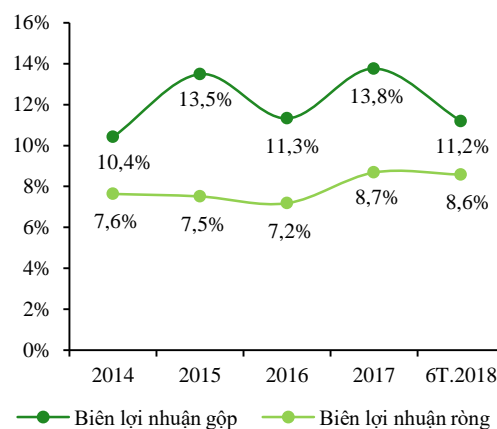
Trong Q2.2018, PVTrans ghi nhận KQKD tăng trưởng mạnh so với cùng kỳ. Cụ thể, DTT đạt 1.998,99 tỷ đồng (+45,9% yoy), LNTT đạt 270,32 tỷ đồng (+242,1% yoy), LNST thuộc về cổ đông công ty mẹ đạt 197,48 tỷ đồng (+283,1% yoy).

Lũy kế 6T.2018, DTT của Công ty đạt 3.781,24 tỷ đồng (+25,1% yoy, 72% KH), LNTT đạt 466,21 tỷ đồng (+92,7% yoy, 106% KH), LNST đạt 379,57 tỷ đồng (+95,4% yoy, 106,3% KH). Như vậy, PVTrans đã hoàn thành kế hoạch lợi nhuận 2018 chỉ trong nửa đầu năm.

KQKD PVT



Biên lợi nhuận



Nguồn: PVTrans, VCBS tổng hợp

Trong đó, kết quả từ các hoạt động chính của PVT trong 6T.2018 như sau:

- Doanh thu Dịch vụ vận tải đạt 1,860 tỷ đồng (+21,3% yoy).** Mức tăng trưởng cao đạt được nhờ sự hồi phục về sản lượng vận chuyển dầu thô và dầu thành phẩm cho NMLD Dung Quất từ xuất phát điểm thấp của năm trước khi nhà máy tiến hành bảo dưỡng vào Q2.2017. Bên cạnh đó, PVTrans cũng đã trúng thầu vận chuyển 02 chuyến dầu thô bằng tàu VLCC từ Kuwait về Việt Nam để phục vụ cho NMLD Nghi Sơn. Trong đó, chuyến đầu tiên mang hơn 270.000 tấn dầu thô đã cập bến vào tháng 05 vừa qua.

Biên lợi nhuận gộp của mảng Dịch vụ vận tải giảm xuống 11,8% từ mức 12,4% trong cùng kỳ năm ngoái do ảnh hưởng của giá nhiên liệu cũng như việc thuê tàu VLCC chưa mang lại lợi nhuận đáng kể.
- Doanh thu Dịch vụ FSO/FPSO đạt 367,99 tỷ đồng (-1,2% yoy).** Tuy nhiên lợi nhuận gộp của mảng này tăng mạnh 23,03% yoy khi giá thuê tàu FSO PVN Đại Hùng Queen đã được điều chỉnh tăng từ đầu năm.
- Doanh thu Thương mại đạt 1.462,42 tỷ đồng (+34,5% yoy).** Giống như các năm trước, lợi nhuận Thương mại của PVT không đáng kể.
- Công ty ghi nhận lợi nhuận bất thường 78,7 tỷ đồng từ việc thanh lý tàu Hercules M. PVT đã tiếp nhận tàu mới PVT Hera để thay thế và đưa vào vận hành phục vụ NMLD Dung Quất trong tháng 04 vừa qua.

TRIỂN VỌNG VÀ DỰ PHÓNG

Triển vọng doanh nghiệp

Dịch vụ vận tải

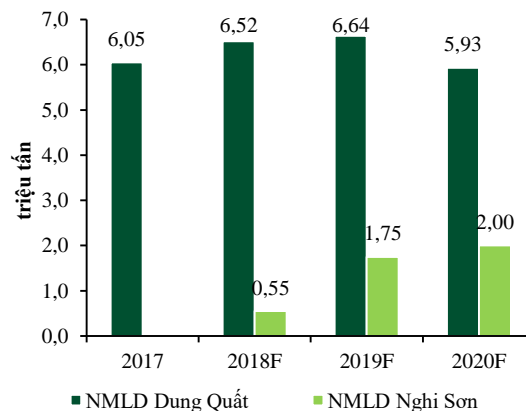
Chúng tôi dự báo NMLD Dung Quất sẽ hoạt động ổn định ở mức 110% công suất trong năm 2018. Theo đó, sản lượng vận chuyển dầu thô và dầu thành phẩm của PVT cho Dung Quất sẽ tăng lần lượt 14% và 11% yoy.

NMLD Nghi Sơn (công suất xử lý 10 triệu tấn dầu thô/năm) đi vào hoạt động mang đến nguồn doanh thu mới cho PVT. Trong năm 2018, PVT cùng với SK Shipping (Hàn Quốc) đã trúng thầu hợp đồng cung cấp tàu VLCC vận chuyển dầu thô từ Kuwait về Nghi Sơn. Theo đó, sản lượng vận chuyển dầu thô cho NMLD Nghi Sơn năm 2018 ước đạt 550.000 tấn.

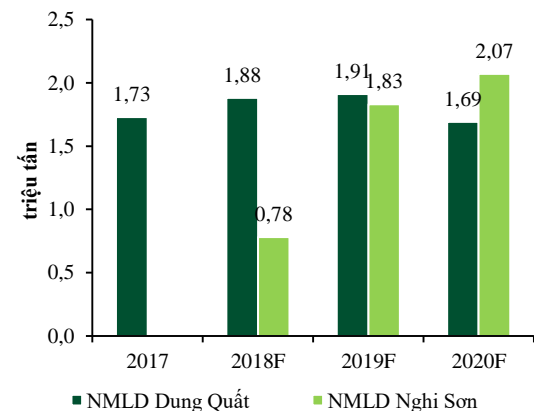
PVT sẽ đầu tư mua 01 tàu VLCC vận chuyển dầu thô (trị giá khoảng 40 triệu USD) chạy cố định từ năm 2019. Khi nhà máy hoạt động tối đa công suất, doanh thu vận tải dầu thô mang lại cho PVTrans sẽ vào khoảng 500-700 tỷ đồng mỗi năm. Mặc dù giá cước vận tải dầu thô quốc tế thấp hơn tương đối so với trong nước, tuy nhiên giá cước quốc tế đang có chiều hướng hồi phục trong thời gian qua (thể hiện qua chỉ số BDI) sẽ hỗ trợ tích cực cho lợi nhuận từ tàu VLCC mới.

Doanh thu vận tải dầu thô và dầu thành phẩm năm 2018 ước đạt 2.696,44 tỷ đồng (+18% yoy).

Sản lượng vận chuyển dầu thô



Sản lượng vận chuyển dầu thành phẩm



Nguồn: VCBS tổng hợp và dự phóng

Vận tải LPG dự kiến sẽ tăng trưởng tốt sau khi nhà máy GPP Cà Mau đi vào hoạt động ổn định (PVT mới thực hiện chuyển tàu LPG đầu tiên cho nhà máy từ tháng 11 năm ngoái). Công suất LPG của GPP Cà Mau đạt khoảng 200.000 tấn/năm. Với giả định nhà máy chạy với 65% công suất trong năm thứ hai, sản lượng LPG dự báo sẽ đạt 130.000 tấn. PVT đã thay thế 3 tàu LPG hết khấu hao trong năm 2017 để phục vụ dự án này.

Sản lượng LPG vận chuyển cho Dung Quất dự kiến đạt khoảng 420.000 tấn (+7,7% yoy) trong năm 2018 khi nhà máy hoạt động ổn định. Sản lượng vận chuyển cho NMLD Nghi Sơn, PV Gas Trading và xuất nhập khẩu ước đạt khoảng 650.000 tấn.

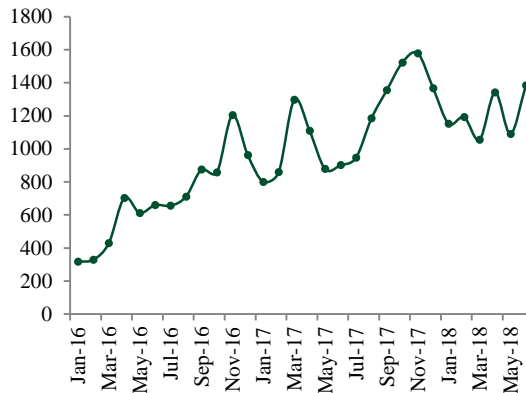
Năm 2018, mảng vận tải than có tiềm năng tăng trưởng tốt nhờ các hợp đồng mới với nhiệt điện Duyên Hải 3, Duyên Hải 1 và Vĩnh Tân 4. Sản lượng than vận chuyển dự kiến tăng gấp đôi lên khoảng 3 triệu tấn. Công ty sẽ tiếp tục thuê phương tiện song song với đầu tư mua thêm tàu/sà lan phục vụ vận tải than.

Dịch vụ FSO/FPSO

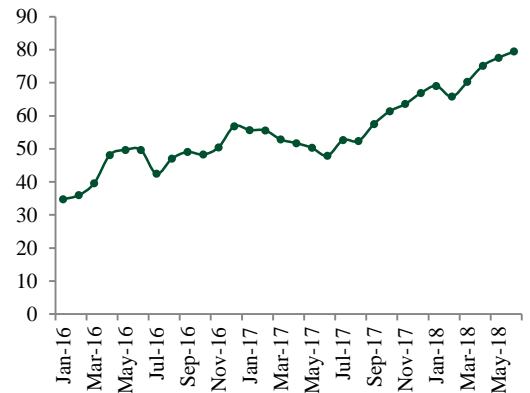
Hoạt động cho thuê và quản lý kho nổi FSO/FPSO sẽ tiếp tục ghi nhận lợi nhuận ổn định khi giá dầu duy trì ở mức cao và tỷ giá USD/VND có chiều hướng tăng. Giá dầu thô (Brent Oil) đã duy trì trên mức 60 USD/thùng kể từ đầu năm 2018 trong khi tỷ giá USD/VND đã tăng khoảng 2% trong 6 tháng qua.

PVT đã thắng thầu dự án cung cấp dịch vụ chuẩn bị vận hành (pre-operations) giàn xử lý trung tâm (CPP) Sao Vàng và giàn đầu giếng (WHP) Đại Nguyệt thuộc Dự án Sao Vàng Đại Nguyệt, tuy nhiên dự án này cần ít nhất 3 năm để hoàn thiện. Do vậy, chúng tôi dự phóng doanh thu và lợi nhuận tại mảng này tăng trưởng nhẹ khoảng 5,6% trong năm.

Chỉ số BDI (Baltic Dry Index)



Giá dầu thô (Brent Oil)



Nguồn: Bloomberg, VCBS tổng hợp

Tổng hợp, chúng tôi dự phóng DTT năm 2018 đạt 6.698,92 tỷ đồng (+8,97% yoy, 127,6% KH), LNNT đạt 799,5 tỷ đồng (+19,17% yoy, 152,5% KH), LNST thuộc về cổ đông công ty mẹ đạt 536,39 tỷ đồng, tương ứng EPS 1.906 đồng/cp, EBITDA đạt 1.317,86 tỷ đồng.

Cho năm 2019, DTT dự kiến đạt 7.424,03 tỷ đồng (+10,8% yoy, LNNT đạt 819,43 tỷ đồng (+2,5% yoy), LNST thuộc về cổ đông công ty mẹ đạt 549,76 tỷ đồng, tương ứng EPS 1.953 đồng/cp. Tăng trưởng lợi nhuận chậm lại trong năm 2019 do chúng tôi không đưa các giả định về lợi nhuận thanh lý tài sản vào dự phóng.

ĐỊNH GIÁ

Phương pháp so sánh tương đối

Chúng tôi sử dụng hệ số P/E và EV/EBITDA với mẫu so sánh gồm các doanh nghiệp vận tải biển và dịch vụ dầu khí trên thế giới:

Công ty	Vốn hóa (triệu USD)	P/E	EV/EBITDA
Smart Sand Inc	235,03	5.9x	8.3x
ZCL Composites Inc	207,09	14.6x	8.7x
Maridive & Oil Services SAE	188,42	8.8x	7.5x
Elnusa Tbk PT	187,70	7.5x	3.5x
MagSeis AS	149,30	93.9x	3.8x
Hilong Holding Ltd	213,97	14.2x	9.7x

Wah Seong Corp Bhd	261,62	8.1x	4.7x
Isewan Terminal Service Co Ltd	179,35	11.0x	5.1x
Trung bình		10,0x	6,4x
Trung vị		9,9x	6,3x
PVT	204,49	7,8x	9,5x

Sử dụng mức P/E trung vị 9,9x, giá trị hợp lý của cổ phiếu PVT theo phương pháp so sánh tương đối P/E là 18.869 đồng/cổ phiếu.

Sử dụng mức EV/EBITDA trung vị 6,3x, giá trị hợp lý của cổ phiếu PVT theo phương pháp so sánh tương đối EV/EBITDA là 23.443 đồng/cổ phiếu.

Phương pháp chiết khấu dòng tiền

Giả định:

- NMLD Dung Quất hoạt động ổn định trở lại vào năm 2018 và 2019 với 110% và 100% công suất trước khi bảo dưỡng trở lại trong năm 2020, trong khi NMLD Nghi Sơn sẽ hoạt động tối đa công suất vào năm 2020.
- Biên lợi nhuận vận tải dầu thô cho NMLD Nghi Sơn thấp hơn so với NMLD Dung Quất do tính theo giá cước quốc tế, trong khi vận tải dầu thành phẩm không đổi với khách hàng PV Oil.
- Tỷ lệ tăng trưởng ổn định sau năm 2022 là 1%/năm.
- Suất chiết khấu 11,95%.

Chiết khấu theo FCFE:

Đơn vị: triệu đồng	2018F	2019F	2020F	2021F	2022F
EBIT	949,615	977,225	1,021,150	1,107,867	1,173,479
EBIT * tỷ suất thuế	(194,226)	(199,873)	(208,857)	(226,594)	(240,014)
Khấu hao	639,287	695,137	727,637	760,137	792,637
Đầu tư TSCĐ	(1,229,300)	(1,117,000)	(650,000)	(650,000)	(650,000)
Thay đổi vốn lưu động	65,560	55,568	(22,083)	33,508	18,944
FCFE	230,936	411,057	867,846	1,024,917	1,095,046
Số lượng CPLH					281.440.144
Giá cổ phiếu PVT					22.703

Tổng hợp định giá

Áp dụng tỷ lệ trọng số cân bằng cho 03 phương pháp so sánh tương đối P/E, so sánh tương đối EV/EBITDA và chiết khấu dòng tiền FCFE, giá hợp lý cho cổ phiếu PVT là 21.672 đồng/cổ phiếu:

Phương pháp	Giá (đồng/CP)	Tỷ trọng
So sánh tương đối P/E	18.869	33,3%
So sánh tương đối EV/EBITDA	23.443	33,3%
Chiết khấu dòng tiền FCFE	22.703	33,3%
Giá hợp lý	21.672	

QUAN ĐIỂM ĐẦU TƯ

MUA

Nhu cầu năng lượng của Việt Nam về xăng dầu, điện tiếp tục ở mức cao trong những năm tới giúp triển vọng thị trường của PVTrans tương đối khả quan với vị thế hàng đầu về vận chuyển dầu thô (100% thị phần), dầu thành phẩm (30% thị phần), LPG (90% thị phần) và than (25-30% thị phần).

Chúng tôi dự phóng DTT năm 2018 đạt 6.698,92 tỷ đồng (+8,97% yoy, 127,6% KH), LNTT đạt 799,5 tỷ đồng (+19,17% yoy, 152,5% KH), LNST thuộc về cổ đông công ty mẹ đạt 536,39 tỷ đồng, tương ứng EPS 1.906 đồng/cp.

Cho năm 2019, DTT dự kiến đạt 7.424,03 tỷ đồng (+10,8% yoy, LNTT đạt 819,43 tỷ đồng (+2,5% yoy), LNST thuộc về cổ đông công ty mẹ đạt 549,76 tỷ đồng, tương ứng EPS 1.953 đồng/cp. Chúng tôi khuyến nghị **MUA** cổ phiếu PVT với giá mục tiêu 21.672 đồng/cổ phiếu.

Bên cạnh những triển vọng kể trên, rủi ro tỷ giá cần được lưu ý trong thời gian tới khi công ty đẩy mạnh nâng cấp đội tàu bằng vốn vay. Với lượng vốn vay USD hiện tại, giá USD tăng thêm 1% so với VND sẽ tạo ra khoản chi phí tài chính khoảng 15 tỷ đồng cho PVT. Ngoài ra, các dự án mà công ty thực hiện cũng phụ thuộc nhiều vào tiến độ từ phía đối tác và diễn biến của thị trường.

BÁO CÁO KQKD (triệu đồng)	2015	2016	2017	2018F	2019F
Doanh thu	5,761,451	6,733,575	6,147,640	6,698,916	7,424,031
GVHB	4,984,219	5,971,112	5,301,654	5,756,102	6,365,742
Lợi nhuận gộp	777,232	762,463	845,986	942,814	1,058,288
Chi phí bán hàng	7,832	8,951	9,505	10,357	11,478
Chi phí QLDN	211,778	226,976	232,988	253,881	281,362
EBIT	557,621	526,536	603,494	678,576	765,449
LNTT	546,239	601,955	670,908	799,513	819,433
Chi phí thuế TNDN	113,549	118,490	137,222	163,526	167,600
LNST	432,691	483,466	533,686	635,987	651,833
Lợi ích của cổ đông thiểu số	64,599	67,901	83,575	99,596	102,077
LNST cổ đông công ty mẹ	368,091	415,565	450,111	536,391	549,756
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)	1,170	1,321	1,436	1,906	1,953

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (triệu đồng)	2015	2016	2017	2018F	2019F
Tiền và các khoản tương đương tiền	2,236,855	1,338,549	1,959,453	2,135,163	2,366,281
Các khoản đầu tư ngắn hạn	582,259	1,559,919	961,028	961,028	961,028
Các khoản phải thu	573,475	541,798	607,390	626,120	693,893
Hàng tồn kho	102,836	86,072	95,340	98,481	108,911
Tài sản ngắn hạn khác	312,667	196,726	271,912	296,295	328,367
Tài sản ngắn hạn	3,808,092	3,723,063	3,895,124	4,117,087	4,458,480
Tài sản cố định	5,522,679	5,059,692	4,964,013	5,554,026	5,975,889
Các khoản đầu tư dài hạn	67,789	53,574	45,938	45,938	45,938
Tài sản dài hạn khác	257,604	234,024	298,468	325,232	360,436
Tài sản dài hạn	5,848,072	5,347,289	5,308,418	5,925,196	6,382,263
TỔNG TÀI SẢN	9,656,164	9,070,352	9,203,542	10,042,283	10,840,743
Các khoản phải trả	833,013	656,073	682,334	726,566	803,519
Vay nợ ngắn hạn	902,429	529,717	536,916	797,808	939,264
Nợ ngắn hạn khác	442,537	688,656	753,639	821,220	910,112
Nợ ngắn hạn	2,177,980	1,874,446	1,972,890	2,345,595	2,652,895
Vay nợ dài hạn	2,715,753	2,432,408	2,153,038	2,045,386	1,937,734
Nợ dài hạn khác	436,992	430,036	415,913	453,209	502,266
Nợ dài hạn	3,152,745	2,862,444	2,568,950	2,498,595	2,440,000
NỢ PHẢI TRẢ	5,330,725	4,736,890	4,541,840	4,844,190	5,092,895
Vốn cổ phần	2,558,575	2,814,402	2,814,402	2,814,402	2,814,402
Thặng dư vốn cổ phần	0	0	0	0	0
Cổ phiếu quỹ	0	0	0	0	0
Lợi nhuận chưa phân phối	838,343	758,668	873,085	1,409,477	1,959,232
Lợi ích cổ đông thiểu số	928,520	760,393	974,215	974,215	974,215
VỐN CHỦ SỞ HỮU	4,325,439	4,333,462	4,661,702	5,198,093	5,747,849
TỔNG NGUỒN VỐN	9,656,164	9,070,352	9,203,542	10,042,283	10,840,743

BẢNG LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (triệu đồng)	2015	2016	2017	2018F	2019F
Lưu chuyển tiền tệ từ HĐKD	918,967	1,402,326	925,843	1,251,770	1,314,313
Lưu chuyển tiền tệ từ HĐĐT	(56,245)	(1,380,073)	199,816	(1,229,300)	(1,117,000)
Lưu chuyển tiền tệ từ HĐTC	(345,219)	(920,560)	(504,754)	153,240	33,804
Lưu chuyển tiền tệ thuần trong kỳ	517,502	(898,306)	620,905	175,710	231,118
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	1,719,356	2,236,855	1,338,549	1,959,453	2,135,163
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	2,236,858	1,338,549	1,959,453	2,135,163	2,366,281

ĐIỀU KHOẢN SỬ DỤNG

Báo cáo này và/hoặc bất kỳ nhận định, thông tin nào trong báo cáo này không phải là các lời chào mua hay bán bất kỳ một sản phẩm tài chính, chứng khoán nào được phân tích trong báo cáo và cũng không là sản phẩm tư vấn đầu tư hay ý kiến tư vấn đầu tư nào của VCBS hay các đơn vị/thành viên liên quan đến VCBS. Do đó, nhà đầu tư chỉ nên coi báo cáo này là một nguồn tham khảo. VCBS không chịu bất kỳ trách nhiệm nào trước những kết quả ngoài ý muốn khi quý khách sử dụng các thông tin trên để kinh doanh chứng khoán.

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo phân tích đều đã được thu thập, đánh giá với mức cẩn trọng tối đa có thể. Tuy nhiên, do các nguyên nhân chủ quan và khách quan từ các nguồn thông tin công bố, VCBS không đảm bảo về tính xác thực của các thông tin được đề cập trong báo cáo phân tích cũng như không có nghĩa vụ phải cập nhật những thông tin trong báo cáo sau thời điểm báo cáo này được phát hành.

Báo cáo này thuộc bản quyền của VCBS. Mọi hành động sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung báo cáo và/hoặc xuất bản mà không có sự cho phép bằng văn bản của VCBS đều bị nghiêm cấm.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trần Minh Hoàng

Trưởng phòng Phân tích & Nghiên cứu

tmhoang@vcbs.com.vn

Mạc Đình Tuấn

Trưởng nhóm Phân tích Ngành & Doanh nghiệp

mdtuan@vcbs.com.vn

Nguyễn Huy Hoàng

Chuyên viên Phân tích

nhhoang@vcbs.com.vn

CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VIETCOMBANK

<http://www.vcbs.com.vn>

Trụ sở chính Hà Nội	Tầng 12 & 17, Toà nhà Vietcombank, số 198 Trần Quang Khải, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội ĐT: (84-24) 39366990- Số máy lẻ: 140/143/144/149/150/151
Chi nhánh Hồ Chí Minh	Lầu 1& 7, Tòa nhà Green Star, số 70 Phạm Ngọc Thạch, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh ĐT: (84-28)-3820 8116- Số máy lẻ: 104/106
Chi nhánh Đà Nẵng	Tầng 12, số 135 Nguyễn Văn Linh, Phường Vĩnh Trung, Quận Thanh Khê, Đà Nẵng ĐT: (+84-236) 3888 991- Số máy lẻ: 801/802
Phòng Giao dịch Nam Sài Gòn	Tầng 3, Tòa nhà V6, Plot V, Khu đô thị mới Him Lam, Số 23 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Tân Hưng, Q7, TP Hồ Chí Minh ĐT: (84-28)-54136573
Phòng Giao dịch Giảng Võ	Tầng 1, Tòa nhà C4 Giảng Võ, Phường Giảng Võ, Quận Ba Đình, Hà Nội. ĐT: (+84-24) 3726 5551
Phòng Giao dịch Tây Hồ	Tầng 1 và tầng 3, số 565 Đường Lạc Long Quân, Phường Xuân La, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội ĐT: (+84-24) 2191048 (ext: 100)
Văn phòng Đại diện Cần Thơ	Tầng 1, Tòa nhà Vietcombank Cần Thơ, số 7 Hòa Bình, Quận Ninh Kiều, Cần Thơ ĐT: (+84-292) 3750 888
Văn phòng Đại diện An Giang	Tầng 7, Tòa nhà Vietcombank An Giang, 30 – 32 Đường Hai Bà Trưng, Phường Mỹ Long, TP. Long Xuyên, T. An Giang ĐT: (+84-296) 3949 843
Văn phòng Đại diện Đồng Nai	F240-F241 Đường Võ Thị Sáu, Khu phố 7, Phường Thống Nhất, TP. Biên Hoà, Đồng Nai ĐT: (+84-251) 3918 815
Văn phòng đại diện Vũng Tàu	Tầng trệt, số 27 Đường Lê Lợi, TP. Vũng Tàu, Bà Rịa - Vũng Tàu ĐT: (+84-254) 351 3978/75/76/77/74
Văn phòng đại diện Hải Phòng	Tầng 2, số 11 Hoàng Diệu, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng ĐT: (+84-225) 382 1630
Văn phòng đại diện Bình Dương	Tầng 3, Số 516 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Phú Cường, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương ĐT: (+84-274) 3855 771